

Số: 1510/TB-XHNV-QTTB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh tên gọi các công trình xây dựng và số hiệu phòng học tại Cơ sở Linh Xuân theo Đồ án Quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-BXD ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Thực hiện Quyết định số 1550/QĐ-XHNV-QTTB ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Trường ĐH KHXH&NV) về việc đổi tên gọi các công trình xây dựng và số hiệu phòng học tại Cơ sở Linh Xuân theo Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trường ĐH KHXH&NV.

Nhà trường thông báo đến các đơn vị về việc đổi tên gọi các công trình xây dựng và số hiệu phòng học tại Cơ sở Linh Xuân như sau:

1. Ký hiệu các công trình xây dựng trong Khu Đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quy hoạch phân khu xây dựng Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) (Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 ĐHQG-HCM) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 03/7/2023. Để thống nhất tên gọi các công trình xây dựng theo Đồ án Quy hoạch xây dựng chung, ĐHQG-HCM đã quy định các công trình xây dựng của các trường thành viên trong Khu Đô thị ĐHQG-HCM được đặt theo tên viết tắt của các trường và chữ cái theo chức năng của công trình ngăn cách nhau bằng dấu chấm (.), cụ thể:

- Các công trình phục vụ công tác hành chính, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế ký hiệu bằng chữ A;
- Các công trình phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu, thí nghiệm ký hiệu bằng chữ B;
- Các công trình phục vụ hoạt động thể dục thể thao ký hiệu bằng chữ C.

Ví dụ: NV: Trường ĐH KHXH&NV, TN: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, BK: Trường Đại học Bách Khoa; KT-L: Trường Đại học Kinh tế - Luật.

2. Nguyên tắc đặt tên các công trình xây dựng của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tại Cơ sở Linh Xuân

Thực hiện quy định chung của ĐHQG-HCM, Nhà trường điều chỉnh tên gọi các công trình xây dựng tại Cơ sở Linh Xuân theo nguyên tắc như sau:



- Các công trình thuộc Khu Quy hoạch Trường ĐH KHXH&NV tại Cơ sở Linh Xuân được bắt đầu bằng chữ NV và các chữ cái theo chức năng của công trình, được ngăn cách bởi dấu chấm (.). Các công trình xây dựng có cùng chức năng thì thêm số thứ tự của công trình. Trong một công trình xây dựng gồm nhiều nhà, mỗi nhà được phân biệt với nhau bằng số thứ tự, cách nhau dấu gạch ngang (-). Các công trình theo Quy hoạch của Trường tại Cơ sở Linh Xuân gồm có:

- Ký hiệu A1: khu Hành chính;
- Ký hiệu A2: khu Nghiên cứu hợp tác quốc tế;
- Ký hiệu A3: khu Thư viện trung tâm - Bảo tàng Lịch sử văn hóa
- Ký hiệu B1: khu Nghiên cứu ứng dụng;
- Ký hiệu B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, B10, B11, B12: khu Giảng dạy học tập;
- Ký hiệu C1: khu Thể dục thể thao;
- Ký hiệu C2: nhà ăn tập trung.

Cụ thể, ký hiệu của các công trình hiện hành do Nhà trường đầu tư xây dựng mới được điều chỉnh theo Đồ án quy hoạch 1/500 như sau:

- + Nhà Điều hành cũ: điều chỉnh thành NV.A1;
- + Nhà C1, C2 cũ: điều chỉnh thành NV.B3-1, NV.B3-2;
- + Nhà A1 cũ: điều chỉnh thành NV.B5;
- + Nhà học Thể dục thể thao đa năng cũ: điều chỉnh thành NV.C1.

Lưu ý: các công trình xây dựng cũ gồm có: Nhà A, Nhà D, Nhà E, Nhà G, Thư viện, Nhà xe được tiếp nhận bàn giao từ ĐHQG-HCM (Ký túc xá Tân Phú) tiếp tục sử dụng tên công trình hiện hành. Các công trình này sẽ dần được phá dỡ để phục vụ xây dựng mới các công trình theo quy hoạch.

3. Nguyên tắc đặt số hiệu phòng học

a) Nguyên tắc:

Để phân biệt các phòng học, mỗi phòng học được ký hiệu theo chức năng, số thứ tự của công trình và số thứ tự của phòng học tại mỗi tầng gồm 03 chữ số tự nhiên, trong đó: số tự nhiên đầu tiên là số tầng, 02 (hai) số tự nhiên tiếp theo là số thứ tự của phòng học ở trong tầng.

b) Số hiệu phòng học:

- Các phòng học tại tầng trệt ký hiệu bằng số 0, tầng 1 ký hiệu bằng số 1, tầng 2 ký hiệu bằng số 2,... tương tự cho các tầng cao hơn;
- Đối với các công trình gồm nhiều tòa nhà, số hiệu của phòng học được thống nhất theo từng tầng trong cả công trình (đính kèm phụ lục bảng tra cứu điều chỉnh tên công trình và số hiệu phòng học).

Ví dụ: Công trình Nhà NV.B3 có 02 tòa nhà là NV.B3-1, NV.B3-2, tại tầng 1 của tòa nhà B3-1 có 05 phòng học, tòa nhà NV.B3-2 có 05 phòng học. Như vậy, toàn bộ tầng 1

của công trình NV.B3 có 10 phòng học, số hiệu các phòng học tại tầng 1 của công trình Nhà NV.B3 như sau: B3-101, B3-102, B3-103,...B3-110.

Thời gian thực hiện đổi tên gọi các công trình và số hiệu các phòng học kể từ ngày 01/01/2026. Nhà trường thông báo đến các đơn vị biết để phổ biến đến viên chức, người lao động và người học.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Lưu: HC-TH, QT-TB.

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Phương Lan



Phụ lục
TÊN GỌI CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ SỐ HIỆU PHÒNG HỌC THEO ĐỒ
ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TẠI CƠ SỞ LINH XUÂN
(Kèm theo Thông báo số 1510/TB-XHNV-QTTB ngày 17/12/2025
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

STT	Tên công trình/Số hiệu phòng học hiện hành	Tên công trình/Số hiệu phòng học điều chỉnh	Chức năng của công trình
I	A1	NV.B5	Giảng dạy, học tập
1.	A1-01	B5-001	
2.	A1-02	B5-002	
3.	A1-03	B5-003	
4.	A1-11	B5-101	
5.	A1-12	B5-102	
6.	A1-13	B5-103	
7.	A1-14	B5-104	
8.	A1-15	B5-105	
9.	A1-21	B5-201	
10.	A1-22	B5-202	
11.	A1-23	B5-203	
12.	A1-24	B5-204	
13.	A1-25	B5-205	
14.	A1-31	B5-301	
15.	A1-32	B5-302	
16.	A1-33	B5-303	
17.	A1-34	B5-304	
18.	A1-35	B5-305	
19.	A1-41	B5-401	
20.	A1-42	B5-402	
21.	A1-43	B5-403	
22.	A1-44	B5-404	

23.	A1-45	B5-405	Giảng dạy, học tập
II	C1	NV.B3-1	
	C2	NV.B3-2	
24.	C1-01	B3-001	
25.	C1-02	B3-002	
26.	C1-03	B3-003	
27.	C1-04	B3-004	
28.	C2-01	B3-005	
29.	C2-02	B3-006	
30.	C2-03	B3-007	
31.	C2-04	B3-008	
32.	C1-11	B3-101	
33.	C1-12	B3-102	
34.	C1-13	B3-103	
35.	C1-14	B3-104	
36.	C2-11	B3-105	
37.	C2-12	B3-106	
38.	C2-13	B3-107	
39.	C2-14	B3-108	
40.	C2-15	B3-109	
41.	C1-21	B3-201	
42.	C1-22	B3-202	
43.	C1-23	B3-203	
44.	C1-24	B3-204	
45.	C1-25	B3-205	
46.	C2-21	B3-206	
47.	C2-22	B3-207	
48.	C2-23	B3-208	
49.	C2-24	B3-209	
50.	C2-25	B3-210	

51.	C2-26	B3-211	
52.	C1-31	B3-301	
53.	C1-32	B3-302	
54.	C1-33	B3-303	
55.	C1-34	B3-304	
56.	C1-35	B3-305	
57.	C2-31	B3-306	
58.	C2-32	B3-307	
59.	C2-33	B3-308	
60.	C2-34	B3-309	
61.	C2-35	B3-310	
62.	C2-36	B3-311	
63.	C1-41	B3-401	
64.	C1-42	B3-402	
65.	C1-43	B3-403	
66.	C1-44	B3-404	
67.	C1-45	B3-405	
68.	C2-41	B3-406	
69.	C2-42	B3-407	
70.	C2-43	B3-408	
71.	C2-44	B3-409	
72.	C2-45	B3-410	
73.	C2-46	B3-411	
III	NV.B1.1 NV.B1.2 NV.B1.3	NV.B1-1 NV.B1-2 NV.B1-3	Khu nghiên cứu ứng dụng
74.	B1.1-11	B1-001	
75.	B1.1-12	B1-002	
76.	B1.1-13	B1-003	
77.	B1.1-14	B1-004	

78.	B1.2-11	B1-005
79.	B1.2-12	B1-006
80.	B1.2-13	B1-007
81.	B1.2-14	B1-008
82.	B1.3-11	B1-009
83.	B1.3-12	B1-010
84.	B1.3-13	B1-011
85.	B1.3-14	B1-012
86.	B1.1-21	B1-101
87.	B1.1-22	B1-102
88.	B1.1-23	B1-103
89.	B1.1-24	B1-104
90.	B1.2-21	B1-105
91.	B1.2-22	B1-106
92.	B1.2-23	B1-107
93.	B1.2-24	B1-108
94.	B1.3-21	B1-109
95.	B1.3-22	B1-110
96.	B1.3-23	B1-111
97.	B1.3-24	B1-112
98.	B1.1-31	B1-201
99.	B1.1-32	B1-202
100.	B1.1-33	B1-203
101.	B1.1-34	B1-204
102.	B1.2-31	B1-205
103.	B1.2-32	B1-206
104.	B1.2-33	B1-207
105.	B1.2-34	B1-208
106.	B1.3-31	B1-209

107.	B1.3-32	B1-210	Giảng dạy, học tập
108.	B1.3-33	B1-211	
109.	B1.3-34	B1-212	
IV	NV.B4-1 NV.B4-2	NV.B4-1 NV.B4-2	
110.	B4-001	B4-001	
111.	05 phòng học tầng trệt Nhà NV.B4-2	B4-002	
112.		B4-003	
113.		B4-004	
114.		B4-005	
115.		B4-006	
116.	B4-101	B4-101	
117.	B4-102	B4-102	
118.	B4-103	B4-103	
119.	B4-104	B4-104	
120.	B4-105	B4-105	
121.	B4-106	B4-106	
122.	B4.107	B4-107	
123.	09 phòng học mới Nhà NV.B4-2	B4-108	
124.		B4-109	
125.		B4-110	
126.		B4-111	
127.		B4-112	
128.		B4-113	
129.		B4-114	
130.		B4-115	
131.		B4-116	
132.	B4-201	B4-201	
133.	B4-202	B4-202	



134.	B4-203	B4-203
135.	B4-204	B4-204
136.	B4-205	B4-205
137.	B4-206	B4-206
138.	B4-207	B4-207
139.	B4-208	B4-208
140.	B4-209	B4-209
141.	B4-210	B4-210
142.	09 phòng học tầng 2 Nhà NV.B4-2	B4-211
143.		B4-212
144.		B4-213
145.		B4-214
146.		B4-215
147.		B4-216
148.		B4-217
149.		B4-218
150.		B4-219
151.	B4-301	B4-301
152.	B4-302	B4-302
153.	B4-303	B4-303
154.	B4-304	B4-304
155.	B4-305	B4-305
156.	B4-306	B4-306
157.	B4-307	B4-307
158.	B4-308	B4-308
159.	B4-309	B4-309
160.	B4-310	B4-310
161.	09 phòng học tầng 3 Nhà NV.B4-2	B4-311
162.		B4-312

163.		B4-313	
164.		B4-314	
165.		B4-315	
166.		B4-316	
167.		B4-317	
168.		B4-318	
169.		B4-319	
170.	B4-401	B4-401	
171.	B4-402	B4-402	
172.	B4-403	B4-403	
173.	B4-404	B4-404	
174.	B4-405	B4-405	
175.	B4-406	B4-406	
176.	B4-407	B4-407	
177.	B4-408	B4-408	
178.	B4-409	B4-409	
179.	B4-410	B4-410	
180.		B4-411	
181.		B4-412	
182.		B4-413	
183.		B4-414	
184.	09 phòng học tầng 4 Nhà NV.B4-2	B4-415	
185.		B4-416	
186.		B4-417	
187.		B4-418	
188.		B4-419	
V	Nhà học Thể dục thể thao đa năng	NV.C1	Thể dục thể thao
189.	001	C1-001	
190.	002	C1-002	



191.	003	C1-003	
192.	004	C1-004	

191. 003
192. 004